

Số: 05 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 04 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông áp dụng tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Quyết định 2039/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số: 568/TTr-SNV ngày 26 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông áp dụng tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Các Sở, Ban, ngành có thủ tục hành chính liên thông căn cứ danh mục thủ tục hành chính theo Quyết định này tiến hành xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính thuộc ngành quản lý.

Giao Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai thực hiện việc tiếp nhận luân chuyển, xử lý hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông các thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 14/5/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính được áp dụng giải quyết theo cơ chế một cửa tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số

615/QĐ-UBND ngày 14/5/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính được áp dụng giải quyết theo cơ chế một cửa tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / red

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC. 40

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



red
Cao Huy

**DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG
ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **05** /QĐ-UBND ngày **04** tháng **01** năm **2017** của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC
A	TTHC THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA	
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH	
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 26/4/2016
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	nt
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	nt
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	nt
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	nt
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	nt
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	nt
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	nt
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	nt
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	nt
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	nt
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	nt
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	nt
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	nt
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	nt
II	LĨNH VỰC PHÓ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT	

16	Công nhận báo cáo viên pháp luật (cấp huyện)	Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 23/6/2016
17	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật (cấp huyện)	nt
18	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (cấp huyện)	nt
III	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC	
19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 23/6/2016
20	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	nt
21	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	nt
22	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	nt
23	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	nt
24	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	nt
25	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	nt
26	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực thẻ không ký, không thẻ điểm chỉ được)	nt
27	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	nt
28	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	nt
29	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	nt
IV	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH	
30	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 15/6/2016
31	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	nt
32	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	nt

33	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	nt
34	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	nt
V	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ	
35	Đăng ký hợp tác xã	nt
36	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	nt
37	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	nt
38	Đăng ký khi hợp tác xã chia	nt
39	Đăng ký khi hợp tác xã tách	nt
40	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	nt
41	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	nt
42	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	nt
43	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	nt
44	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	nt
45	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	nt
46	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	nt
47	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	nt
48	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	nt
49	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	nt
50	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	nt
51	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	nt

52	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	nt
53	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	nt
VI	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ	
54	Cung cấp và đăng tải thông tin về đầu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	nt
55	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	nt
56	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	nt
57	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	nt
58	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	nt
59	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư	nt
60	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	nt
61	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	nt
62	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	nt
63	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	nt
64	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	nt
65	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư	nt
66	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	nt
67	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	nt
68	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	nt
69	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	nt
70	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đầu thầu quốc gia	nt
71	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	nt
72	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	nt
73	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	nt
74	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	nt

75	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	nt
76	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	nt
77	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	nt
78	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	nt
79	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	nt
80	Phê duyệt danh sách ngân	nt
81	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	nt
82	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	nt
83	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	nt
84	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	nt
85	Làm rõ hồ sơ dự thầu	nt
86	Mở thầu	nt
87	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	nt
88	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	nt
89	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	nt
VII	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG	
90	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 29/4/2016
91	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	nt
92	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh .	nt
93	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.	nt
VIII	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC	
94	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 29/4/2016
95	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	nt
96	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	nt

97	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	nt
98	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	nt
99	Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 12/8/2016
IX	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG	
100	Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 23/6/2016
X	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC	
101	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 23/6/2016
XI	LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ	
	Quản lý nhà nước về Hội	
102	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 29/4/2016
103	Thủ tục thành lập hội	nt
104	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	nt
105	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	nt
106	Thủ tục đổi tên hội	nt
107	Thủ tục hội tự giải thể	nt
108	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	nt
109	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	nt
110	Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	nt
	Quản lý nhà nước về Quỹ xã hội, quỹ từ thiện	
111	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 29/4/2016
112	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	nt

113	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	nt
114	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	nt
115	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	nt
116	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	nt
117	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	nt
118	Thủ tục đổi tên quỹ	nt
119	Thủ tục quỹ tự giải thể	nt
XII	LĨNH VỰC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	
120	Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 29/4/2016
121	Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	nt
122	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	nt
XIII	LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG	
123	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 29/4/2016
124	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	nt
125	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	nt
126	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	nt
127	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	nt
128	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	nt
129	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	nt
XIV	LĨNH VỰC TÔN GIÁO	
130	Thủ tục đăng ký cho hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 29/4/2016
131	Thủ tục đăng ký cho dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể khác có phạm vi hoạt động trong một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	nt
132	Thủ tục thông báo chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	nt

133	Thủ tục đăng ký truyền chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	nt
134	Thủ tục chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký hàng năm có sự tham gia của tín đồ trong huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	nt
135	Thủ tục chấp thuận tổ chức hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở	nt
136	Thủ tục chấp thuận việc tổ chức cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	nt
137	Thủ tục chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo	nt
138	Thủ tục chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi một huyện	nt
XV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
139	Thành lập nhà trường, nhà trẻ	Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 28/6/2016
140	Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ	nt
141	Sắp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ	nt
142	Giải thể hoạt động nhà trường, nhà trẻ	nt
143	Thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học	nt
144	Cho phép hoạt động giáo dục trường tiểu học	nt
145	Sắp nhập, chia tách trường tiểu học	nt
146	Giải thể trường tiểu học	nt
147	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	nt
148	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	nt
149	Thành lập, cho phép thành lập trường trung học cơ sở	nt
150	Cho phép hoạt động giáo dục trường trung học cơ sở	nt
151	Sắp nhập, chia tách trường trung học cơ sở	nt
152	Giải thể trường trung học cơ sở	nt
153	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	nt
154	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	nt
155	Chuyển trường đổi với học sinh trung học cơ sở	nt

156	Thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thực		nt
157	Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ tư thực		nt
158	Sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ tư thực		nt
159	Giải thể nhà trường, nhà trẻ tư thực		nt
160	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc THCS		nt
161	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc THCS		nt
162	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập		nt
163	Cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục		nt
164	Sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ dân lập		nt
165	Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập		nt
166	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ		nt
167	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu		nt
168	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học		nt
169	Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã		nt
170	Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi đối với đơn vị cấp cơ sở		nt
171	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở		nt
172	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em trong độ tuổi năm tuổi		nt
173	Xét cấp kinh phí hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh và sinh viên		nt
	LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ		
174	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp huyện cấp)	Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/11/2015	
175	Công nhận lần đầu "Cơ quan đạt chuẩn văn hóa", "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa"		nt
176	Công nhận "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Áp văn hóa", "Bản văn hóa" và tương đương		nt
177	Công nhận "Tổ dân phố văn hóa" và tương đương		nt
178	Công nhận lần đầu "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"		nt
179	Công nhận lại "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"		nt

180	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	nt
181	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	nt
XVII	LĨNH VỰC THƯ VIỆN	
182	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/11/2015
XVIII	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH	
183	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	nt
184	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	nt
185	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	nt
186	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	nt
187	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	nt
188	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	nt
XIX	LĨNH VỰC XUẤT BẢN	
189	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy (cấp huyện)	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 03/8/2016
190	Thay đổi thông tin cơ sở dịch vụ photocopy	nt
XX	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP	
191	Thủ tục cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.	QĐ số 1856/QĐ-UBND ngày 26/10/2016
192	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên chuyển sang trồng cao su của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.	nt
193	Thủ tục thẩm định và phê duyệt dự án lâm sinh (đối với các cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư).	nt

194	Thủ tục thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước hoặc cho thuê rừng trả tiền hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thu	nt
195	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng.	nt
196	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng.	nt
XXI	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI	
197	Thủ tục trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016
198	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện	nt
XXII	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG	
199	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chính hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016
XXIII	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI	
200	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016
201	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	nt
XXIV	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	
202	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	QĐ số 2252/QĐ-UBND ngày 08/12/2016

203	Cấp GPXD (GPXD mới, giấy phép chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp ương, cấp tỉnh	nt
204	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	nt
XXV	LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC	
205	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QĐ số 2252/QĐ-UBND ngày 08/12/2016
206	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý	nt
207	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	nt
XXVI	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT	
208	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QĐ số 2252/QĐ-UBND ngày 08/12/2016
B	THHC THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ	
1	Đầu tư quản lý, kinh doanh, khai thác chợ	Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 29/4/2016
2	Lựa chọn, giao Doanh nghiệp, Hợp tác xã quản lý, kinh doanh, khai thác chợ	nt
II	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI	
3	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 23/6/2016

4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	nt
5	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	nt
6	Thủ tục đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận	nt
7	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	nt
8	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	nt
9	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	nt
10	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	nt
11	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	nt
12	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện	nt
13	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	nt
14	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	nt
15	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	nt
16	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất kèm theo cấp đổi Giấy chứng nhận	nt
17	Thủ tục đăng ký tách thửa đất kèm theo chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	nt

18	Thu tục đăng ký chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất kèm theo cấp đổi Giấy chứng nhận	nt
19	Thu tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền	nt
20	Thu tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	nt
21	Thu tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý	nt
22	Thu tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	nt
23	Thu tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền	nt
24	Thu tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	nt
25	Thu tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất	nt
26	Thu tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	nt
27	Thu tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	nt
28	Thu tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	nt
29	Thu tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	nt
30	Thu tục đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất kèm theo chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép	nt

31	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất trong trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	nt
32	Thủ tục đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất	nt
33	Thủ tục đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất	nt
34	Thủ tục đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	nt
35	Thủ tục đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai lần đầu	nt
36	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	nt
37	Thủ tục xóa đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	nt
38	Thủ tục đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là nhà ở hình thành trong tương lai trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	nt
39	Thủ tục chuyển tiếp đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	
40	Thủ tục đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	
41	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	
42	Thủ tục đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	
43	Thủ tục xóa đăng ký thế chấp	
44	Thủ tục sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký	
45	Thủ tục cung cấp thông tin dữ liệu đất đai	
46	Thủ tục sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của cơ quan đăng ký đối với nhà ở hình thành trong tương lai	
III	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC	
47	Lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 23/6/2016

IV	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI	
48	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016
49	Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	nt
50	Thủ tục thực hiện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật đang mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	nt
51	Thủ tục điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	nt
52	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	nt
53	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	nt
54	Thủ tục hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn người thân thích chăm sóc quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP	nt
55	Thủ tục hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	nt
56	Thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	nt
57	Thủ tục hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	nt
58	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	nt
59	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	nt
60	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	nt
V	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG	
61	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016
62	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	nt

63	<p>Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra. 	nt
64	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	nt
65	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	nt
66	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	nt
67	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	nt
68	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	nt
69	Thủ tục giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	nt
70	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	nt
71	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	nt
72	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	nt
73	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	nt
74	Thủ tục mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	nt
75	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	nt
76	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	nt

77	Thu tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	nt
78	Thu tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	nt
79	Thu tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	nt
80	Thu tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	nt
81	Thu tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	nt
VI	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI	
82	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016
VII	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM	
83	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất	QĐ số 1765/QĐ-UBND ngày 11/10/2016
84	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất	nt
85	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	nt
86	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở; đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở	nt
87	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	nt
88	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	nt
89	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	nt
90	Xoá đăng ký thế chấp	nt
91	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký	nt

92	Hồ sơ chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	nt
VIII	LĨNH VỰC DÂN TỘC	
93	Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QĐ số 837/QĐ-UBND ngày 02/6/2016
IX	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP	
94	Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu tại chỗ đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.	QĐ số 1856/QĐ-UBND ngày 26/10/2016
95	Thủ tục Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân.	nt
96	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn.	nt
97	Cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân.	nt
	Tổng cộng: 305 TTHC (cơ chế một cửa 208 TTHC; cơ chế một cửa liên thông 97 TTHC)	

**DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG
ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 05 /QĐ-UBND, ngày 04 tháng 01 năm 2017 của
UBND tỉnh Đắk Nông)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC
A	DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA	
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH	
1	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài	Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 21/10/2015
2	Đăng ký khai sinh	Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 26/4/2016
3	Đăng ký kết hôn	nt
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	nt
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	nt
6	Đăng ký khai tử	nt
7	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	nt
8	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	nt
9	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	nt
10	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	nt
11	Đăng ký giám hộ	nt
12	Đăng ký chấm dứt giám hộ	nt
13	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	nt
14	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	nt
15	Đăng ký lại khai sinh	nt
16	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	nt
17	Đăng ký lại kết hôn	nt

18	Đăng ký lại khai tử	nt
II LĨNH VỰC CHỨNG THỰC		
19	Chúng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 23/6/2016
20	Chúng thực di chúc	nt
21	Chúng thực văn bản từ chối nhận di sản	nt
22	Chúng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	nt
23	Chúng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	nt
24	Chúng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chúng nhận	Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 23/6/2016
25	Chúng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chúng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chúng thực thể không ký, không thể điểm chỉ được)	nt
26	Chúng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	nt
27	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	nt
28	Cấp bản sao có chúng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chúng thực	nt
29	Cấp bản sao từ sổ gốc	nt
III LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT		
30	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật (cấp xã)	Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 23/6/2016
31	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật (cấp xã)	nt
32	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	nt
33	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	nt
IV LĨNH VỰC THI ĐUA-KHEN THƯỞNG		
34	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 29/4/2016
35	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	nt

36	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	nt
37	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	
V	LĨNH VỰC TÔN GIÁO	
38	Thủ tục thông báo người đại diện hoặc Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng	Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 29/4/2016
39	Thủ tục thông báo dự kiến hoạt động tín ngưỡng diễn ra vào năm sau tại cơ sở tín ngưỡng	nt
40	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo	nt
41	Thủ tục đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở	nt
42	Thủ tục đăng ký người vào tu	nt
43	Thủ tục thông báo về việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo không phải xin cấp giấy phép xây dựng	nt
44	Thủ tục chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo trong phạm vi một xã	nt
VI	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI	
45	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2014-2015 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QĐ số 1870/QĐ-UBND ngày 24/5/2016
46	Tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào các cơ sở bảo trợ xã hội	nt
47	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016
VII	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG	
48	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016
49	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	nt
50	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	nt
51	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	nt
VIII	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG	

52	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016
53	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	nt
IX	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI	
54	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016
55	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	nt
56	Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	nt
57	Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	nt
X	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU	
58	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 15/6/2016
59	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	nt
60	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	nt
61	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	nt
62	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	nt
63	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	nt
64	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	nt
65	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	nt
66	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	nt
67	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	nt
68	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	nt
69	Phê duyệt danh sách ngân	nt
70	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	nt
71	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	nt

72	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu		nt
73	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu		nt
74	Làm rõ hồ sơ dự thầu		nt
75	Mở thầu		nt
76	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn		nt
77	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu		nt
78	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu		nt
XI	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI		
79	Hòa giải tranh chấp đất đai	Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 23/6/2016	
XII	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG		
80	Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 23/6/2016	
81	Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường		nt
XIII	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
82	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực	Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 28/6/2016	
83	Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực		nt
84	Giải thể hoạt động nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực		nt
85	Đăng ký hoạt động nhóm trẻ đối với những nơi mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đủ nhu cầu đưa trẻ tới trường, lớp		nt
86	Thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học		nt
XIV	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG		
87	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 29/4/2016	
88	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại		nt
89	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại		nt

XV	LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ	
90	Công nhận gia đình văn hóa	Quyết định số 1753/QĐ-UBND. ngày 03/11/2015
XVI	LĨNH VỰC THƯ VIỆN	
91	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/11/2015
XVII	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO	
92	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/11/2015
XVIII	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP	
93	Đăng ký khai thác tận dụng gỗ tên đất rừng trồng bằng vốn tự có khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	QĐ số 1856/QĐ-UBND ngày 26/10/2016
94	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán.	nt
95	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân	nt
XIX	LĨNH VỰC CÔNG AN XÃ	
96	Đăng ký thường trú	
97	Thay đổi nơi đăng ký thường trú	
98	Tách hộ khẩu	
99	Cấp giấy chuyển hộ khẩu	
100	Cấp đổi Sổ hộ khẩu	
101	Xóa đăng ký thường trú	
102	Điều chỉnh những thay đổi trong Sổ hộ khẩu	
103	Xác nhận công dân trước đây đã đăng ký thường trú	
104	Cấp lại Sổ hộ khẩu	
105	Đăng ký tạm trú	

106	Lưu trữ và tiếp nhận lưu trữ		
107	Khai báo tạm vắng		
108	Cấp đổi Sổ tạm trú		
109	Cấp lại Sổ tạm trú		
110	Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng công an		
111	Giải quyết tố cáo không thuộc phạm vi tổ tụng hình sự công dân đối với lĩnh vực của lực lượng công an nhân dân		
112	Điều chỉnh những thay đổi trong Sổ tạm trú		
113	Cấp giấy cam kết thực hiện các quy định, điều kiện an ninh trật tự để làm nghề kinh doanh có điều kiện		
114	Xác nhận đơn đề nghị cấp lại Chứng minh nhân dân		
B	TTHC THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG		
I	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI		
1	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 23/6/2016	
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		nt
3	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất		nt
4	Thủ tục đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận		nt
II	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI		
5	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016	
6	Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp		nt

7	Thủ tục thực hiện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật đang mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	nt
8	Thủ tục điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	nt
9	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	nt
10	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	nt
11	Thủ tục hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn người thân thích chăm sóc quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP	nt
12	Thủ tục hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	nt
13	Thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	nt
14	Thủ tục hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	nt
15	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	nt
16	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	nt
17	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	nt
III	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG	
18	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QĐ số 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016
19	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	nt
20	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	nt
21	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	nt

22	<p>Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khởi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra 	nt
23	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	nt
24	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	nt
25	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	nt
26	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	nt
27	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	nt
28	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	nt
29	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	nt
30	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	nt
31	Thủ tục giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	nt
32	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	nt
33	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	nt
34	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	nt
35	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	nt
36	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	nt
37	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	nt

38	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	nt
39	Thủ tục mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	nt
40	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	nt
41	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	nt
42	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	nt
43	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	nt
44	Thủ tục đình chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ	nt
45	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	nt
46	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	nt
47	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	nt
48	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	nt
IV	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG	
49	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Chăm – pu – chia	nt
V	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI	
50	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	nt
VI	LĨNH VỰC DÂN TỘC	
51	Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QĐ số 837/QĐ-UBND ngày 02/6/2016
VII	LĨNH VỰC HỘ TỊCH	

52	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 21/10/2015
53	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	nt
VIII	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP	
54	Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu tại chỗ đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.	QĐ số 1856/QĐ-UBND ngày 26/10/2016
55	Thủ tục Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân.	nt
56	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn.	nt
57	Cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân.	nt
	Tổng cộng: 171 TTHC (cơ chế một cửa 114 TTHC; cơ chế một cửa liên thông 57 TTHC)	